



**Ghi chú:**

- <sup>1</sup> Ghi tên, ngành, mã ngành theo Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam do Thủ tướng Chính phủ ban hành theo quy định của Luật Thống kê.
- <sup>2</sup> Ghi tên, mã số theo danh mục và mã số các đơn vị kinh tế, hành chính sự nghiệp theo quy định pháp luật hiện hành trong báo cáo thống kê, thống nhất ghi cấp 1.
- <sup>3</sup> Ghi tên và mã số nghề nghiệp theo danh mục nghề nghiệp do cơ quan có thẩm quyền ban hành theo Luật Thống kê, thống nhất ghi cấp 3.
- <sup>4</sup> Ghi có hợp đồng lao động (ghi rõ: không xác định thời hạn; xác định thời hạn; theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định thời hạn dưới 12 tháng) hoặc không có hợp đồng lao động.
- <sup>5</sup> Ghi theo cơ cấu tổ chức của đơn vị (không phải là vị trí làm việc).
- <sup>6</sup> Ghi tên và mã số của 01 yếu tố chính gây chấn thương trong danh mục các yếu tố gây chấn thương quy định tại Phụ lục IV Thông tư này.
- <sup>7</sup> Ghi theo danh mục các chấn thương đã xác định loại tai nạn lao động nặng ban hành kèm theo Phụ lục II Nghị định số 39/2016/NĐ-CP.
- <sup>8</sup> Ghi 01 nguyên nhân chính gây tai nạn lao động theo nguyên nhân tại biên bản điều tra tai nạn lao động.
- <sup>9</sup> Tất cả những vụ tai nạn lao động làm cho người lao động thuộc quyền quản lý phải nghỉ làm việc từ một ngày trở lên đều phải được thống kê để báo cáo tai nạn lao động.

**Đại diện doanh nghiệp**

Ký, đóng dấu



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

*Lo, Mei-Fang*

## PHỤ LỤC II

MẪU SỔ THỐNG KÊ TAI NẠN LAO ĐỘNG CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG LÀM VIỆC KHÔNG THEO HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG TRÊN ĐỊA BÀN  
XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2020/TT-BLĐTBXH ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG DỊCH VỌNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

### SỔ THỐNG KÊ TAI NẠN LAO ĐỘNG ĐẦU NĂM 2023

TT	Tên người bị tai nạn	Giới tính	Năm sinh	Nghề nghiệp	Nơi cư trú	Thông tin vụ tai nạn lao động							Ghi chú
						Ngày, giờ xảy ra tai nạn	Nơi xảy ra tai nạn	Tình trạng nạn nhân (chết, bị thương)	Yếu tố gây chấn thương <sup>2</sup>	Loại chấn thương <sup>3</sup>	Nguyên nhân gây tai nạn lao động <sup>4</sup>	Thiệt hại về tài sản (nếu có, đơn vị tính: 1.000 đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng số:		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

#### Ghi chú:

- <sup>1</sup> Ghi tên và mã số nghề nghiệp theo danh mục nghề nghiệp do cơ quan có thẩm quyền ban hành theo Luật Thống kê, thống nhất ghi cấp 3.
- <sup>2</sup> Ghi tên và mã số của 01 yếu tố chính gây chấn thương trong danh mục các yếu tố gây chấn thương quy định tại Phụ lục IV Thông tư này.
- <sup>3</sup> Ghi theo danh mục các chấn thương để xác định loại tai nạn lao động nặng ban hành kèm theo Phụ lục II Nghị định số 39/2016/NĐ-CP.
- <sup>4</sup> Ghi 01 nguyên nhân chính gây tai nạn lao động theo nguyên nhân tại biên bản điều tra tai nạn lao động.

Đại diện doanh nghiệp

Ký, đóng dấu



TỔNG GIÁM ĐỐC  
Lo, Mei - Fang

### PHỤ LỤC III

MẪU SỔ THỐNG KÊ TAI NẠN LAO ĐỘNG CỦA CƠ QUAN CHUYÊN NGÀNH THỰC HIỆN ĐIỀU TRA TAI NẠN LAO ĐỘNG  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2020/TT-BLĐTBXH ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

#### SỔ THỐNG KÊ TAI NẠN LAO ĐỘNG ĐẦU NĂM 2023

Tên cơ quan: Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Fubon Việt Nam

TT	Họ và tên	Mã số bảo hiểm xã hội	Giới tính	Năm sinh	Nghề nghiệp <sup>1</sup>	Tuổi nghề (năm)	Mức lương (1.000 đ)	Trình độ	Bậc thợ	Loại hợp đồng lao động <sup>2</sup>	Nơi làm việc <sup>3</sup> (tổ/ đội/ phân xưởng/ phòng/ ban)	Nơi xảy ra tai nạn lao động Ngày, Giờ, Số giờ đã làm việc trong ca, ngày làm việc cho đến khi tai nạn xảy ra	Yếu tố gây chấn thương <sup>4</sup>	Loại chấn thương <sup>5</sup>	Đã huấn luyện ATVSLĐ	Nguyên nhân gây tai nạn lao động <sup>6</sup>	Tình trạng thương tích		Thiệt hại									
																	Chết	Bị thương		Tổng số ngày nghỉ vì tai nạn lao động	Chi phí tính bằng tiền (1.000 đ)				Thiệt hại tài sản (1.000 đ)	Ghi chú		
																		Nặng	Nhẹ		Tổng số	Khoản chi cụ thể						
																						Y tế	Trả lương trong thời gian điều trị	Bồi thường / Trợ cấp			Chi phí khác	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng số	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

**Ghi chú:**

<sup>1</sup> Ghi tên và mã số nghề nghiệp theo danh mục nghề nghiệp do cơ quan có thẩm quyền ban hành theo Luật Thống kê, thống nhất ghi cấp 3.

<sup>2</sup> Ghi có hợp đồng lao động (ghi rõ: không xác định thời hạn; xác định thời hạn; theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định thời hạn dưới 12 tháng) hoặc không có hợp đồng lao động.

Ngạt khí hoặc thiếu dưỡng khí <sup>6</sup>	12
Ngã cao <sup>7</sup>	13
Tai nạn giao thông	14
Khi đang thực hiện nhiệm vụ	14.1
Trên tuyến đường đi và về giữa nơi ở và nơi làm việc	14.2
Căng thẳng thần kinh tâm lý	15
Các yếu tố gây chấn thương khác	16

**Ghi chú:**

<sup>1</sup> Sử dụng bảng danh mục:

- Xác định một yếu tố chính gây chấn thương trong trường hợp có nhiều yếu tố gây chấn thương. Ví dụ: Người lao động khi làm việc trên cột điện, bị điện giật làm ngã cao gây tai nạn thì yếu tố gây chấn thương chính đó là điện.

- Đối với vụ tai nạn giao thông thì yếu tố chính gây chấn thương là “Tai nạn giao thông” (mã số 14).

<sup>2</sup> Yếu tố “Điện” bao gồm cả điện giật, bỏng điện, ngã cao do điện giật.

<sup>3</sup> Các Yếu tố “Bộ phận truyền động, chuyển động của máy, thiết bị gây cán, cuốn, dè, ép, kẹp, cắt, va đập...” ; “Vật văng bắn”; “Vật rơi, đổ, sập” không bao gồm các trường hợp yếu tố gây chấn thương do thiết bị áp lực, thiết bị nâng.

<sup>4</sup> Yếu tố “Ngộ độc” không bao gồm các trường hợp ngộ độc do “sinh vật và vi sinh vật” gây ra,

<sup>5</sup> Yếu tố “Nhiệt độ khắc nghiệt” bao gồm cả các trường hợp gây bỏng nóng, bỏng lạnh, không bao gồm bỏng do “cháy nổ”.

<sup>6</sup> Yếu tố “Ngạt khí hoặc thiếu dưỡng khí” không bao gồm các trường hợp “đuối nước”, “ngộ độc”.

<sup>7</sup> Yếu tố “Ngã cao” không bao gồm các trường hợp ngã do điện giật, do “vật văng bắn”, “vật rơi, đổ, sập”.

**Đại diện doanh nghiệp**



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Lo, Mei - Fang*

## PHỤ LỤC IV

### DANH MỤC CÁC YẾU TỐ GÂY CHẤN THƯƠNG ĐỂ PHÂN LOẠI TAI NẠN LAO ĐỘNG<sup>1</sup>

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2020/TT-BLĐTBXH ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Tên chỉ tiêu thống kê	Mã số
Điện <sup>2</sup>	1
Phóng xạ	2
Máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động	3
Thiết bị áp lực	3.1
Thiết bị nâng	3.2
Bộ phận truyền động, chuyển động của máy, thiết bị gây cán, cùn, đè, ép, kẹp, cắt, va đập,... <sup>3</sup>	4
Vật văng bắn <sup>3</sup>	5
Vật rơi, đổ, sập <sup>3</sup>	6
Sập đổ công trình, giàn giáo	6.1
Sập lò, sập đất đá	6.2
Cây đổ, rơi	6.3
Khác	6.4
Sinh vật và vi sinh vật	7
Ngộ độc <sup>4</sup>	8
Cháy nổ	9
Cháy nổ do vật liệu nổ	9.1
Cháy nổ do xăng dầu, khí đốt	9.2
Khác	9.3
Nhiệt độ khắc nghiệt <sup>5</sup>	10
Đuối nước	11

<sup>3</sup> Ghi theo cơ cấu tổ chức của đơn vị (không phải vị trí làm việc).

<sup>4</sup> Ghi tên và mã số của 01 yếu tố chính gây chấn thương trong danh mục các yếu tố gây chấn thương quy định tại Phụ lục IV Thông tư này.

<sup>5</sup> Ghi theo danh mục các chấn thương để xác định loại tai nạn lao động nặng ban hành kèm theo Phụ lục II Nghị định số 39/2016/NĐ-CP.

<sup>6</sup> Ghi 01 nguyên nhân chính gây tai nạn lao động theo nguyên nhân tại biên bản điều tra tai nạn lao động.

<sup>7</sup> Tất cả những vụ tai nạn lao động làm cho người lao động thuộc quyền quản lý phải nghỉ làm việc từ một ngày trở lên đều phải được thống kê để báo cáo tai nạn lao động.

**Đại diện doanh nghiệp**



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Lo, Mei - Fang*